

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HS-ST

Ngày: 12-5-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Ông Võ Văn Hiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xem - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2025/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 11/2025/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm giồng; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Phạm Thị N, sinh năm 1946; vợ: Trần Thị Cẩm T1, sinh năm 1999. Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990; nơi cư trú: số I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; nơi cư trú: số I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

+ Phạm Thị N, sinh năm 1946; nơi cư trú: số I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

+ Nguyễn Minh T3, sinh năm 2005; nơi cư trú: số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Phạm Thị D1, sinh năm 1966; nơi cư trú: số I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Trần Thị Cẩm T1, sinh năm 1999; nơi cư trú: số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

+ Lê Thị S, sinh năm 1988; nơi cư trú: số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

+ Nguyễn Văn M, sinh năm 1978; nơi cư trú: số I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

+ Nguyễn Văn B, sinh năm 1969; nơi cư trú: số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 05/9/2024, sau khi có uống rượu, Nguyễn Văn T2 cho rằng Nguyễn Văn T nhiều lần xúc phạm đến cha của T2 (là ông Nguyễn Văn H) nên T2 lấy một con dao dài 32cm, có phần cán bằng nhựa màu đen dài 12,5cm và phần lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 19,5cm (con dao của bà Nguyễn Thị X, chị ruột của T2) đi đến nhà T cách nhà T2 khoảng 100m, thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre để nói chuyện với T nhưng T không có ở nhà. Khi đó, T2 nhìn thấy bà Trần Thị Cẩm T1 (vợ của T) và bà Trần Thị C đang cắt đọt sắn nên đi đến hăm dọa đòi chém. Cùng lúc này, bà Lê Thị S (mẹ T2) và bà Lê Thị X1 đến ngăn cản đưa T2 về nhà. Khoảng 05 phút sau, Nguyễn Văn T đi làm về và nghe Trần Thị Cẩm T1 kể lại sự việc trên, T nghe nhưng không nói gì mà đi qua nhà bà Phạm Thị N (mẹ của T) để lấy gạo về nhà nấu cơm. Khi đến nhà bà N, T nghe phía bên nhà ông H có tiếng Thừa chửi và hăm dọa chém mình, do bức tức nên T lấy một con dao dài 43cm, có phần cán bằng gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 28cm (con dao của bà N) đi qua nhà ông H. Thấy T, T2 nhặt lấy cây xông đến thì được ông Nguyễn Văn M ngăn cản và giật lấy cây. T2 dùng tay đánh trúng vào mặt T một cái và tiếp tục đưa tay lên định đánh cái thứ hai thì bị T cầm dao chém một cái trúng vào tay trái của T2 gây thương tích. Sau khi chém T2, T mang dao đến để trên ghế bàn tròn ở nhà bà N và đi về nhà của T. Riêng Nguyễn Văn T2 được gia đình đưa đến Trung Tâm y tế huyện T cấp cứu, sau đó xin chuyển đến Bệnh viện Đ tiếp tục điều trị thương tích.

Vật chứng của vụ án được thu giữ:

- Nguyễn Văn H giao nộp 01 (một) con dao dài 32cm, mũi bằng, cán dao bằng nhựa màu đen dài 12,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 19,5cm, sắc bén một cạnh, bản dao rộng 05cm, trọng lượng con dao là 100gam và 01 (một) khúc gỗ có chiều dài là 92cm, chiều rộng là 08cm, trọng lượng là 1,05 kg.

- Nguyễn Văn B1 giao nộp 01 (một) đoạn kim loại dạng hình hộp chữ nhật, hai đầu kim loại này có kích thước chiều dài là 08cm, chiều rộng là 04cm, đoạn kim loại có tổng chiều dài là 110cm.

- Phạm Thị N giao nộp 01 (một) con dao dài 43cm, mũi bằng; cán dao bằng gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 28cm, mũi bằng, sắc bén một cạnh, bản dao nơi rộng nhất 07cm, trọng lượng dao là 465gam (là con dao Tới dùng chém Thừa).

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 834 ngày 04/10/2024 của Bệnh viện Đ xác định Nguyễn Văn T2 có vết thương mặt trước trong 1/3 giữa cẳng tay trái (đã khâu) dài 15cm hình chữ U, mép chỉ sưng nề, rỉ dịch, cắt chỉ thấm sát thấy vết thương đứt gân gấp cổ tay trụ, cơ gấp cổ tay trụ.

Tại Bản kết luận số 349/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 18/10/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh B, kết luận: Nguyễn Văn T2 có vết sẹo cẳng tay trái, kích thước lớn, gấp duỗi các ngón tay trái được. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn T2 là 03%. Cơ chế hình thành các vết thương của Nguyễn Văn T2 do vật sắc gây ra. Con dao (mẫu vật gửi giám định) nếu ông Nguyễn Văn T dùng tay phải cầm dao chém theo hướng từ phải qua trái trúng vào tay trái của ông Nguyễn Văn T2 có thể gây ra thương tích vùng cẳng tay trái (nêu trên) cho ông Nguyễn Văn T2.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Văn T2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại do thương tích bao gồm: chi phí điều trị thương tích là 12.253.000 đồng, chi phí đi lại là 3.150.000 đồng, tiền ăn uống điều trị tại bệnh viện là 2.500.000 đồng và 06 tháng công lao động tính mỗi ngày 300.000 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn T đã giao nộp số tiền 15.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho bị hại; tuy nhiên do bị hại Nguyễn Văn T2 chưa đồng ý nhận nên bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra số tiền 15.000.000 đồng để bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường thiệt hại thương tích cho bị hại gồm các khoản như sau: chi phí điều trị thương tích là 12.253.000 đồng, chi phí đi lại là 3.150.000 đồng, tiền ăn uống điều trị tại bệnh viện là 2.500.000 đồng, bị cáo không đồng ý bồi thường 06 tháng công lao động theo yêu cầu bị hại, bởi vì bị cáo cho rằng bị hại có lỗi trước.

Đối với Nguyễn Văn T4 không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền công lao động trong thời gian chăm sóc bị hại Nguyễn Văn T2 điều trị thương tích tại bệnh viện.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSTP, ngày 27/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng. Từ đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử các nội dung sau:

- Về tội danh và hình phạt đối với bị cáo: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”, đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T2 các khoản gồm: chi phí điều trị thương tích 12.253.000 đồng, chi phí đi lại 3.150.000 đồng và 150 ngày công lao động mỗi ngày tính là 300.000 đồng, thành tiền là 45.000.000 đồng; không chấp nhận việc bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền ăn uống điều trị tại bệnh viện là 2.500.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- + Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn kim loại dạng hình hộp chữ nhật, hai đầu kim loại này có kích thước chiều dài là 08cm, chiều rộng là 04cm, đoạn kim loại có tổng chiều dài là 110cm.

- + Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao dài 43cm, mũi bằng, cán dao bằng gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 28cm, mũi bằng, sắc bén một cạnh, bản dao nơi rộng nhất 07cm, trọng lượng dao là 465gam.

- + Tịch thu tiêu hủy 01 (một) khúc gỗ có chiều dài là 92cm, chiều rộng là 08cm, trọng lượng là 1,05 kg.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận thương tích của bị hại Nguyễn Văn T2 là 03% do chính bị cáo gây ra, đồng ý kết luận giám định về thương tích, giám định về cơ chế hình thành thương tích, bị cáo không khiếu nại và không yêu cầu giám định lại. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại vẫn tiếp tục giữ nguyên yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo và đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về hành vi đã gây thương tích cho bị hại theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo biết lỗi và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Minh T3 có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng Phạm Thị D1, Lê Thị S, Nguyễn Văn B vắng mặt. Thấy rằng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng đã có lời khai cụ thể, rõ ràng trong quá trình điều tra; bị cáo, bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến về việc vắng mặt của những người này và đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, không có yêu cầu hoãn phiên tòa, đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp về thời gian, địa điểm, công cụ gây án, phù hợp với kết luận giám định pháp y về thương tích và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 05/9/2024, sau khi đã có uống rượu, Nguyễn Văn T2 cho rằng Nguyễn Văn T nhiều lần xúc phạm đến cha của T2 (là ông Nguyễn Văn H) nên Nguyễn Văn T2 cầm dao đến nhà tìm Nguyễn Văn T để nói chuyện nhưng không gặp. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T đi làm về nghe kể lại việc T2 đến tìm và đe dọa đòi chém T và Trần Thị Cẩm T1 (là vợ T) nhưng T không nói gì mà đi qua nhà bà Phạm Thị N (là mẹ T), tại đây T nghe có tiếng Thừa chửi và hăm dọa đòi chém T. Thấy vậy, T lấy 01 (một) con dao cán dao bằng gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 28cm, mũi bằng, sắc bén một cạnh là hung khí nguy hiểm đến nhà T2 ở ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Sau khi bị T2 đánh trúng 01 cái vào mặt, T2 định đánh cái thứ 2 thì Nguyễn Văn T

dùng dao chém 01 cái trứng tay trái của Nguyễn Văn T2 gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 03%. Ngày 30/9/2024, Nguyễn Văn T2 có đơn yêu cầu khởi vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T.

[3] Hung khí mà bị cáo dùng để gây thương tích cho bị hại có đặc điểm là con dao dài 43cm, mũi bằng, cán dao bằng gỗ dài 15cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 28cm, mũi bằng, sắc bén một cạnh, bản dao nơi rộng nhất 07cm được xác định là hung khí nguy hiểm. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, bản Cáo trạng số 13/CT-VKS, ngày 27/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...”

[5] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại một cách trái pháp luật, gây khó khăn trong cuộc sống sinh hoạt bình thường của bị hại, tạo tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và tội phạm đã hoàn thành nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã gây ra.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo có ông ngoại Phạm Văn C1, bác ruột Nguyễn Văn H1 là liệt sĩ, có cha ruột Nguyễn Văn D tham gia kháng chiến chống Mỹ, trong vụ án này thì bị hại có một phần lỗi nên đây là các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo theo quy định điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Thấy rằng, bị cáo Nguyễn Văn T có nơi cư trú rõ ràng, ổn định không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, giao bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích 12.253.000 đồng, chi phí đi lại 3.150.000 đồng, tiền ăn uống điều trị tại bệnh viện 2.500.000 đồng, tổng cộng là 17.903.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại chi phí điều trị thương tích 12.253.000 đồng, chi phí đi lại 3.150.000 đồng, tiền ăn uống điều trị tại bệnh viện 2.500.000 đồng nên được ghi nhận.

Đối với ngày công lao động, theo văn bản số 110/UBND-VHXXH ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T về cung cấp thông tin liên quan đến mức thu nhập bình quân của người lao động (Bút lục số 323) và theo văn bản số 1006/BVMD-KTTH ngày 27/11/2024 của Bệnh viện đa khoa M1 (Bút lục số 318), căn cứ tỷ lệ thương tích của bị hại thì tiền mất thu nhập theo yêu cầu bồi thường của bị hại được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận 05 (năm) tháng công lao động, được tính mỗi ngày là 300.000 đồng, thành tiền là 45.000.000 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng: như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên ghi nhận.

[11] Đối với hành vi của Nguyễn Văn T2 xảy ra vào ngày 05/9/2024 tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (trước khi xảy ra xô xát, đánh nhau với bị cáo Nguyễn Văn T) là hành vi gây mất trật tự công cộng ở khu dân cư nên cơ quan có thẩm quyền đã chuyển hồ sơ cùng vật chứng là con 01 (một) con dao có đặc điểm dài 32cm, mũi bằng, cán dao bằng nhựa màu đen dài 12,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 19,5cm, sắc bén một cạnh, bản dao rộng 05cm, trọng lượng con dao là 100gam đến Công an xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre để xử lý vi phạm hành chính. Ghi nhận ngày 10/3/2025, Công an xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPHC đối với hành vi của Nguyễn Văn T2 theo quy định.

[12] Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đối với phân trách nhiệm dân sự có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Đối với hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo có phần nghiêm khắc chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm: bị cáo phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 12 tháng 5 năm 2025.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 13, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho Nguyễn Văn Thừa S1 tiền tổng cộng là 62.903.000 đồng, trong đó gồm: chi phí điều trị thương tích 12.253.000 đồng, chi phí đi lại 3.150.000 đồng, tiền ăn uống điều trị tại bệnh viện 2.500.000 đồng và tiền mất thu nhập là 45.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn T đã giao nộp 15.000.000 đồng để bồi thường chi phí điều trị thương tích cho Nguyễn Văn T2. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường tiếp số tiền 47.903.000 đồng cho Nguyễn Văn T2.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre giao số tiền 15.000.000 đồng cho Nguyễn Văn T2 theo Biên lai thu tiền số 0000601 ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn kim loại dạng hình hộp chữ nhật, hai đầu kim loại này có kích thước chiều dài là 08cm, chiều rộng là 04cm, đoạn kim loại có tổng chiều dài là 110cm.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao dài 43cm, mũi bằng; cán dao bằng gỗ dài 15cm; lưỡi bằng kim loại màu đen dài 28cm, mũi bằng, sắc bén một cạnh, bản dao nơi rộng nhất 07cm, trọng lượng dao là 465gam.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) khúc (đoạn) gỗ có chiều dài là 92cm, chiều rộng là 08cm, trọng lượng là 1,05 kg.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 12/QĐ-VKS ngày 27/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre).

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 21, 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.395.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền và thời hạn kháng cáo: bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng HSNV CA tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (1b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú (1b);
- UBND xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú (1b);
- Công an xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú (1b);
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (5b);
- Lưu HSVA; VP TAND huyện Thạnh Phú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Tú